

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 314/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2026 thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035,
giai đoạn I: Từ năm 2025 đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ SÁU (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1039/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán ngân sách Trung ương, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Trung ương năm 2026 cho các bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 và Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2025 đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2025 đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2025 đến năm 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn I: Từ năm 2025 đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 292/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc cho ý kiến, phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2025 đến năm 2030;

Thực hiện Văn bản số 3851/BVHTTDL-KHTC ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch góp ý về danh mục các dự án dự kiến trong kế hoạch đầu tư công năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2025 đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 311/TTr-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2025 đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 280/BC-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải trình, làm rõ một số nội dung thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu tại Kỳ họp thứ sáu (Kỳ họp chuyên đề), Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XV; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2025 đến năm 2030), cụ thể như sau:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2026 đã giao tại Nghị quyết số 292/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc cho ý kiến, phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2025 đến năm 2030 để thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư 02 dự án với tổng số vốn: 2.000 triệu đồng (trong đó: Vốn ngân sách Trung ương: 1.538 triệu đồng; vốn ngân sách địa phương đối ứng: 462 triệu đồng).

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 (nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2025 đến năm 2030) sau điều chỉnh: 263.684 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I, II kèm theo)

Điều 2. Phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 (đợt 1) với tổng số vốn: 180.684 triệu đồng (trong đó: Vốn ngân sách Trung ương: 138.957 triệu đồng; vốn ngân sách địa phương đối ứng: 41.727 triệu đồng), cụ thể như sau:

a) Phân bổ kế hoạch vốn là 14.000 triệu đồng để thực hiện 01 dự án cấp tỉnh quản lý.

(Chi tiết tại Phụ lục I, III kèm theo)

b) Phân bổ kế hoạch vốn là 166.684 triệu đồng cho cấp xã để thực hiện các dự án thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em.

(Chi tiết tại Phụ lục I, IV kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư các dự án để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, phân bổ kế hoạch vốn năm 2026 tại kỳ họp gần nhất. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm nguồn vốn được sử dụng đúng mục tiêu, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả; chủ động rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện (nếu có), đẩy nhanh tiến độ thực hiện và hoàn thành giải ngân nguồn vốn của Chương trình trong năm 2026 theo đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XV, Kỳ họp thứ sáu (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 13 tháng 8 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Lương

PHỤ LỤC I
TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026
(NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA
GIAI ĐOẠN 2025 - 2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2025 ĐẾN NĂM 2030)

(Kèm theo Nghị quyết số 314/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công năm 2026			Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ngân sách địa phương	
1	Điều chỉnh giảm	2.000	1.538	462	Chi tiết tại Phụ lục II
2	Tổng kế hoạch vốn sau điều chỉnh	263.684	202.784	60.900	
2.1	Phân bổ kế hoạch vốn (đợt 1)	180.684	138.957	41.727	
a	Phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2026 đối với dự án cấp tỉnh quản lý	14.000	10.769	3.231	Chi tiết tại Phụ lục III
b	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 phân bổ cho cấp xã	166.684	128.188	38.496	Chi tiết tại Phụ lục IV
2.2	Kế hoạch vốn phân bổ chi tiết sau khi dự án được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư	83.000	63.827	19.173	Chi tiết tại Phụ lục III

PHỤ LỤC II
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA GIAI ĐOẠN 2025 - 2035,
GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2025 ĐẾN NĂM 2030 ĐỐI VỚI DỰ ÁN CẤP TỈNH QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số 314/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

S TT	Tên dự án	Quyết định phê duyet dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Thời gian hoàn thành	Quy mô đầu tư dự kiến	Năm đầu tiên bố trí vốn để thực hiện dự án	Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030				Kế hoạch đầu tư công năm 2026			Điều chỉnh giảm			Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó:							Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
				Vốn NSTW	Vốn NSDP							Vốn NSTW	Vốn NSDP	Vốn huy động khác		Vốn NSTW	Vốn NSDP		Vốn NSTW	Vốn NSDP		Vốn NSTW	Vốn NSDP		
	Điều chỉnh giảm		1.300.000	1.000.000	300.000			0	0		1.300.000	1.000.000	300.000	0	2.000	1.538	462	2.000	1.538	462	0	0	0		
1	Thư viện tỉnh Thái Nguyên		300.000	230.769	69.231	Phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	2026- 2029			2026	300.000	230.769	69.231		1.000	769	231	1.000	769	231	0	0	0	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Văn bản số 1673/DAD D&CN- KHTC ngày 03/8/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
2	Dự án xây dựng Bảo tàng tỉnh Thái Nguyên		1.000.000	769.231	230.769	Phường Quyết Thắng, tỉnh Thái Nguyên	2026- 2029			2026	1.000.000	769.231	230.769		1.000	769	231	1.000	769	231	0	0	0		

PHỤ LỤC III
PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA GIAI ĐOẠN 2025 - 2035,
GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2025 ĐẾN NĂM 2030 ĐỐI VỚI DỰ ÁN CẤP TỈNH QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số 314/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Tên dự án	Quyết định phê duyet dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năm đầu tiên bố trí vốn để thực hiện dự án	Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030			Kế hoạch đầu tư công năm 2026			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó:					Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
				Vốn NSTW	Vốn NSDP					Vốn NSTW	Vốn NSDP		Vốn NSTW	Vốn NSDP		
	Tổng số		35.000	10.769	3.231				292.653	208.964	62.689	97.000	74.596	22.404		
I	Phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (đợt 1)		35.000	10.769	3.231				35.000	10.769	3.231	14.000	10.769	3.231		
2	Tôn tạo, tu bổ di tích lịch sử Nhà Pậu, xã Lương Bằng, huyện Chợ Đồn	Quyết định số 825/QĐ- SVHTTDL ngày 22/7/2026 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	35.000	10.769	3.231	Xã Nghĩa Tả, tỉnh Thái Nguyên	2022 - 2027	2026	35.000	10.769	3.231	14.000	10.769	3.231	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Nông nghiệp phía Bắc	

[illegible]

PHỤ LỤC IV
PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH
ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
QUỐC GIA VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA GIAI ĐOẠN 2025 - 2035,
GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2025 ĐẾN NĂM 2030 CHO CẤP XÃ
(Kèm theo Nghị quyết số 314/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên đơn vị cấp xã	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		
		Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh đối ứng)
	Cộng	166.684	128.188	38.496
1	Phường Gia Sàng	1.499	1.153	346
2	Phường Phổ Yên	1.171	901	270
3	Phường Vạn Xuân	1.499	1.153	346
4	Phường Trung Thành	842	647	195
5	Phường Sông Công	673	518	155
6	Phường Bá Xuyên	605	465	140
7	Phường Bách Quang	673	518	155
8	Phường Phan Đình Phùng	1.171	901	270
9	Phường Linh Sơn	1.499	1.153	346
10	Phường Tích Lương	842	647	195
11	Phường Quyết Thắng	1.171	901	270
12	Phường Quan Triều	842	647	195
13	Xã Phú Bình	2.625	2.019	606
14	Xã Diềm Thụy	1.640	1.261	379
15	Xã Kha Sơn	1.968	1.513	455
16	Xã Tân Cương	1.512	1.163	349
17	Xã Đại Phúc	2.408	1.852	556
18	Xã Đại Từ	1.183	910	273
19	Xã Đức Lương	1.116	859	257
20	Xã Phú Thịnh	1.403	1.079	324

STT	Tên đơn vị cấp xã	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		
		Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh đối ứng)
21	Xã La Bằng	1.773	1.363	410
22	Xã Phú Lạc	1.116	859	257
23	Xã An Khánh	1.074	826	248
24	Xã Quân Chu	1.116	859	257
25	Xã Vạn Phú	1.444	1.110	334
26	Xã Phú Xuyên	2.168	1.667	501
27	Phường Phúc Thuận	1.043	802	241
28	Xã Thành Công	1.142	878	264
29	Xã Tân Thành	1.183	910	273
30	Xã Tân Khánh	1.142	878	264
31	Xã Đồng Hỷ	1.183	910	273
32	Xã Trại Cau	1.116	859	257
33	Xã Nam Hòa	1.116	859	257
34	Xã Phú Lương	2.408	1.852	556
35	Xã Vô Tranh	1.353	1.040	313
36	Xã Yên Trạch	1.582	1.216	366
37	Xã Định Hóa	3.200	2.461	739
38	Xã Bình Yên	4.123	3.171	952
39	Xã Trung Hội	1.116	859	257
40	Xã Phượng Tiến	1.514	1.164	350
41	Xã Phú Đình	9.751	7.500	2.251
42	Xã Bình Thành	2.009	1.545	464
43	Xã Kim Phượng	1.394	1.072	322
44	Xã Lam Vỹ	1.394	1.072	322
45	Xã Võ Nhai	1.773	1.363	410
46	Phường Bắc Kạn	1.043	802	241
47	Phường Đức Xuân	673	518	155

STT	Tên đơn vị cấp xã	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		
		Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh đối ứng)
48	Xã Quang Sơn	1.066	820	246
49	Xã Văn Hán	1.116	859	257
50	Xã Văn Lăng	1.394	1.072	322
51	Xã Hợp Thành	1.352	1.040	312
52	Xã La Hiên	1.116	859	257
53	Xã Chợ Đồn	1.186	912	274
54	Xã Chợ Rã	1.116	859	257
55	Xã Chợ Mới	1.514	1.164	350
56	Xã Thanh Thịnh	1.136	873	263
57	Xã Dân Tiến	1.983	1.525	458
58	Xã Nghinh Tường	1.605	1.234	371
59	Xã Thần Sa	1.934	1.487	447
60	Xã Tràng Xá	1.983	1.525	458
61	Xã Sảng Mộc	1.535	1.180	355
62	Xã Phong Quang	1.605	1.234	371
63	Xã Phú Thông	1.913	1.471	442
64	Xã Cẩm Giàng	1.983	1.525	458
65	Xã Bạch Thông	1.605	1.234	371
66	Xã Vĩnh Thông	1.605	1.234	371
67	Xã Tân Kỳ	1.605	1.234	371
68	Xã Thanh Mai	1.605	1.234	371
69	Xã Yên Bình	1.605	1.234	371
70	Xã Yên Phong	1.605	1.234	371
71	Xã Nghĩa Tá	19.193	14.763	4.430
72	Xã Yên Thịnh	1.605	1.234	371
73	Xã Quảng Bạch	1.535	1.180	355
74	Xã Nam Cường	1.605	1.234	371

STT	Tên đơn vị cấp xã	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		
		Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh đối ứng)
75	Xã Đồng Phúc	1.655	1.273	382
76	Xã Côn Minh	1.605	1.234	371
77	Xã Cường Lợi	1.605	1.234	371
78	Xã Na Rì	1.983	1.525	458
79	Xã Trần Phú	1.605	1.234	371
80	Xã Văn Lang	1.605	1.234	371
81	Xã Xuân Dương	1.605	1.234	371
82	Xã Ngân Sơn	1.933	1.486	447
83	Xã Bằng Vân	1.605	1.234	371
84	Xã Thượng Quan	1.605	1.234	371
85	Xã Hiệp Lực	2.262	1.740	522
86	Xã Nà Phặc	1.605	1.234	371
87	Xã Ba Bể	2.359	1.814	545
88	Xã Phúc Lộc	1.605	1.234	371
89	Xã Thượng Minh	1.605	1.234	371
90	Xã Bằng Thành	1.736	1.335	401
91	Xã Nghiên Loan	1.655	1.273	382
92	Xã Cao Minh	1655	1.273	382